

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025; đề xuất nội dung, giải pháp giai đoạn 2026 - 2030

Thực hiện Công văn số 2194/HĐDT15 ngày 08/4/2025 và Công văn số 2198/HĐDT15 ngày 09/4/2025 của Hội đồng Dân tộc, Quốc hội khóa XV về việc báo cáo kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 (Chương trình MTQG 1719); Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk báo cáo kết quả thực hiện như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Khái quát đặc điểm chung

Tỉnh Đắk Lắk nằm ở trung tâm vùng Tây Nguyên, có diện tích tự nhiên 13.070,41 km², gồm 15 đơn vị hành chính cấp huyện (thành phố Buôn Ma Thuột, thị xã Buôn Hồ và 13 huyện); 180 xã, phường, thị trấn; 2.198 thôn, buôn, tổ dân phố, trong đó có 556 buôn đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ; 4 xã biên giới thuộc hai huyện Buôn Đôn và Ea Súp. Dân số hơn 2 triệu người, với 49 dân tộc cùng sinh sống, đồng bào dân tộc thiểu số chiếm khoảng 34,37% dân số toàn tỉnh, cư trú ở tất cả các xã, phường, thị trấn trong tỉnh; đông nhất là dân tộc Êđê với hơn 350 ngàn người (chiếm 18% tổng dân số), dân tộc Nùng hơn 75 ngàn người, dân tộc Tày hơn 53 ngàn người, dân tộc M'ông 52 ngàn người, dân tộc Mông hơn 39 ngàn người, dân tộc Gia Rai hơn 21 ngàn người, ... Dân tộc Êđê, dân tộc M'ông và dân tộc Gia Rai là những dân tộc sinh sống lâu đời nhất tại tỉnh Đắk Lắk.

Đến cuối năm 2024 tổng số hộ nghèo toàn tỉnh là 34.434 hộ¹, trong đó số hộ nghèo dân tộc thiểu số là 24.282 hộ, chiếm tỷ lệ 70,5%; tổng số hộ cận nghèo toàn tỉnh là 27.651 hộ, trong đó số hộ cận nghèo dân tộc thiểu số là 16.650 hộ, chiếm tỷ lệ 60,2%.

Đầu giai đoạn, toàn tỉnh có 130 xã/15 huyện, thị xã, thành phố thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi², trong đó có 54 xã khu vực III, 5 xã khu

¹ Theo Quyết định số 66/QĐ-UBND ngày 14/01/2025 về việc phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo năm 2024.

² Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

vực II, 71 xã khu vực I; 519 thôn, buôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi³ được thụ hưởng Chương trình.

Sau khi sáp nhập, giải thể theo các Nghị quyết của HĐND tỉnh, hiện nay toàn tỉnh có 129 xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (54 xã khu vực III, 5 xã khu vực II, 70 xã khu vực I); 454 thôn đặc biệt khó khăn⁴ được thụ hưởng Chương trình.

Trong những năm qua, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi của tỉnh Đắk Lắk luôn được Đảng và Nhà nước quan tâm đầu tư; cùng với sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng, sự quản lý, điều hành của chính quyền các cấp, kinh tế - xã hội của tỉnh từng bước ổn định và phát triển, kết cấu hạ tầng có nhiều chuyển biến rõ nét, đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào dân tộc thiểu số không ngừng được nâng lên. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được vẫn còn những khó khăn, hạn chế: Kết cấu hạ tầng cơ sở vùng đồng bào dân tộc thiểu số tuy đã được đầu tư nhưng chưa đồng bộ, kinh tế phát triển giữa các vùng chưa đồng đều, chưa tương xứng với tiềm năng, thế mạnh của tỉnh; chưa xây dựng, nhân rộng được nhiều mô hình phát triển kinh tế có hiệu quả; tỷ lệ lao động qua đào tạo còn thấp; việc hỗ trợ nguồn vốn để chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi gặp nhiều khó khăn, an ninh trật tự còn tiềm ẩn những yếu tố phức tạp...

2. Về mục tiêu, nhiệm vụ; số dự án/tiểu dự án được phê duyệt của Chương trình

- Mục tiêu, nhiệm vụ: Tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số hàng năm giảm 3,5%; Xã ra khỏi địa bàn đặc biệt khó khăn: 26 xã, đạt tỷ lệ 48,1%; Thôn ra khỏi địa bàn đặc biệt khó khăn: 260 thôn, đạt tỷ lệ 50%.

- Số dự án/tiểu dự án được phê duyệt và triển khai thực hiện: 10 dự án⁵ với 12 tiểu dự án⁶ thuộc Chương trình MTQG 1719.

3. Kế hoạch vốn ngân sách nhà nước giao cho tỉnh Đắk Lắk thực hiện Chương trình MTQG 1719 giai đoạn 2021 - 2025

Tổng số vốn dự kiến giao cho tỉnh thực hiện Chương trình MTQG 1719 giai đoạn 2021 - 2025 là 3.523.467 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách trung ương hỗ trợ 3.189.567 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển 2.052.252 triệu đồng⁷; vốn sự nghiệp 1.137.315 triệu đồng⁸).

³ Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 của Ủy ban Dân tộc

⁴ Quyết định số 497/QĐ-UBND ngày 30/7/2024 của Ủy ban Dân tộc

⁵ Dự án 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10.

⁶ Tiểu dự án 1, 2 - Dự án 3; Tiểu dự án 1 - Dự án 4; Tiểu dự án 1, 2, 3, 4 - Dự án 5; Tiểu dự án 1, 2 - Dự án 9; Tiểu dự án 1, 2, 3 - Dự án 10

- Ngân sách tỉnh dự kiến đối ứng 333.900 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển 220.000 triệu đồng, vốn sự nghiệp 113.900 triệu đồng)⁹.

II. CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện

Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh luôn quan tâm sâu sát, chỉ đạo và ban hành kịp thời, đầy đủ các văn bản cụ thể hóa các chủ trương, cơ chế, chính sách của Trung ương để lãnh đạo công tác dân tộc trên địa bàn tỉnh. Tỉnh ủy đã ban hành Chỉ thị số 18-CT/TU ngày 25/11/2021 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân tộc giai đoạn 2021 - 2030, đây là văn bản có ý nghĩa hết sức quan trọng thể hiện sự quan tâm của Tỉnh ủy đối với công tác dân tộc và thực hiện chính sách dân tộc trong tình hình mới. UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 119/KH-UBND ngày 07/6/2022 triển khai thực hiện Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh; trong đó, xác định các mục tiêu cụ thể đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, đồng thời đề ra nhiệm vụ, giải pháp thực hiện công tác dân tộc, chính sách dân tộc nhằm đạt hiệu quả cao nhất; ban hành Kế hoạch số 11768/KH-UBND ngày 30/11/2021 về hát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030 nhằm phát huy tiềm năng, lợi thế và tinh thần tự lực vươn lên của đồng bào các dân tộc để phát triển nhanh, bền vững vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

HĐND tỉnh, UBND tỉnh cũng ban hành các Nghị quyết, Quyết định, Kế hoạch triển khai thực hiện công tác dân tộc, chính sách dân tộc; thường xuyên giám sát, kiểm tra tình hình, tiến độ và kịp thời chỉ đạo xử lý, giải quyết khó khăn, vướng mắc trong công tác dân tộc, nhất là việc triển khai thực hiện Chương trình. Trên cơ sở đó, UBND các huyện, thị xã, thành phố đã chủ động xây dựng, ban hành kế hoạch thực hiện Chương trình tại địa phương.

2. Đánh giá công tác quản lý, tổ chức thực hiện Chương trình

2.1. Kết quả kiện toàn bộ máy chỉ đạo thực hiện Chương trình

UBND tỉnh đã kiện toàn 01 Ban Chỉ đạo chung cho cả 03 Chương trình do Chủ tịch UBND tỉnh làm Trưởng Ban Chỉ đạo¹⁰ và thường xuyên rà soát, bổ sung thành viên, kiện toàn Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG của tỉnh¹¹.

⁷ Đã giao tại Quyết định số 652/QĐ-TTg ngày 28/5/2022 và Quyết định số 147/QĐ-TTg ngày 23/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ.

⁸ Số vốn đã giao các năm 2022-2025.

⁹ Theo quy định tại Điều 6 Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

¹⁰ Quyết định số 665/QĐ-UBND ngày 26/3/2021.

¹¹ Quyết định: số 779/QĐ-UBND ngày 07/4/2021, số 1285/QĐ-UBND ngày 08/6/2022, số 194/QĐ-UBND ngày 07/02/2023, số 1556/QĐ-UBND ngày 16/8/2023; số 2628/QĐ-UBND ngày 8/12/2023 và số 1717/QĐ-UBND ngày 17/6/2024.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố đã thành lập Ban Chỉ đạo cấp huyện thực hiện các Chương trình MTQG giai đoạn 2021 – 2025 và đã chỉ đạo, hướng dẫn UBND cấp xã quyết định thành lập Ban Quản lý cấp xã do Chủ tịch UBND cấp xã làm Trưởng ban để tổ chức thực hiện các Chương trình MTQG trên địa bàn.

Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG của tỉnh ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo¹² và Chương trình công tác năm của Ban Chỉ đạo¹³ để làm cơ sở triển khai thực hiện. Thường xuyên triệu tập thành viên Ban Chỉ đạo tham gia các cuộc họp với Ban Chỉ đạo Trung ương nhằm nắm bắt kịp thời nội dung chỉ đạo của Trung ương, để triển khai chỉ đạo cho bộ phận tham mưu thực hiện.

Bộ máy giúp việc Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG chủ yếu sử dụng công chức, viên chức làm việc theo chế độ kiêm nhiệm, nhằm đảm bảo công tác tham mưu triển khai thực hiện các chương trình được thông suốt, hiệu quả; cụ thể:

- Đối với cấp tỉnh: Ban Dân tộc (*nay là Sở Dân tộc và Tôn giáo*) là cơ quan giúp việc cho Ban Chỉ đạo về quản lý và tổ chức triển khai thực hiện Chương trình MTQG 1719, sử dụng công chức của đơn vị để giúp việc cho Ban Chỉ đạo trong thực hiện Chương trình.

- Đối với cấp huyện: Mỗi địa phương thành lập 01 Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG cấp huyện để chỉ đạo thực hiện thống nhất cho cả 03 Chương trình MTQG; sử dụng bộ máy và công chức thuộc phòng Dân tộc cấp huyện (*nay là Phòng Dân tộc và Tôn giáo*) để thực hiện nhiệm vụ giúp việc cho Ban Chỉ đạo cấp huyện trong triển khai thực hiện Chương trình MTQG 1719.

- Đối với cấp xã: Các xã thành lập Ban Quản lý xã để tổ chức triển khai thực hiện các Chương trình MTQG trên địa bàn. Cán bộ giúp việc cho Ban Quản lý xã là cán bộ cấp xã làm việc theo chế độ kiêm nhiệm.

Tổ chức bộ máy Ban Chỉ đạo và bộ máy giúp việc thực hiện các Chương trình MTQG giai đoạn 2021 - 2025 như trên đã góp phần tạo điều kiện thuận lợi để các cấp, các ngành ở địa phương triển khai tốt hơn nhiệm vụ được giao theo quy chế, kế hoạch công tác, quan hệ công tác của Ban Chỉ đạo. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của thành viên Ban Chỉ đạo đã được quy định (đặc biệt là Trưởng, Phó Trưởng Ban Chỉ đạo và các ủy viên thường trực Ban Chỉ đạo), các đơn vị cũng đã chủ động tham mưu triển khai kịp thời mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình MTQG.

Trong quá trình thực hiện hợp nhất, sáp nhập, các đơn vị cấp tỉnh, cấp

¹² Quyết định số 43/QĐ-BCĐ ngày 29/02/2024.

¹³ Quyết định số 50/QĐ-BCĐ ngày 11/3/2024.

huyện có sự thay đổi về chức năng, nhiệm vụ. Do đó, tỉnh đã chỉ đạo rà soát, kiện toàn thành viên Ban Chỉ đạo các cấp theo quy định, tuy nhiên một số thành viên Ban Chỉ đạo có kinh nghiệm trong quản lý, điều hành Chương trình được phân công công tác khác, đã ảnh hưởng đến kết quả, hiệu quả quản lý, điều hành Chương trình tại thời điểm tổng kết, đánh giá chỉ tiêu, mục tiêu của Chương trình và đề xuất nội dung, định hướng Chương trình cho giai đoạn sau.

2.2. Kết quả ban hành cơ chế chính sách, hướng dẫn triển khai thực hiện

Theo quy định tại Điều 40 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 22 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP), đến nay tỉnh Đắk Lắk đã ban hành đầy đủ văn bản quy định đối với 17/17 nội dung¹⁴. Trong đó năm 2024 đã trình HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung 03 Nghị quyết¹⁵ có liên quan để phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương.

Riêng nội dung trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết quy định mẫu hồ sơ, thủ tục lựa chọn dự án được liệu quý thuộc Chương trình MTQG 1719 theo quy định tại Thông tư: số 10/2022/TT-BYT ngày 22/9/2022; số 12/2023/TT-BYT ngày 06/6/2023 của Bộ Y tế. Do gặp khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện dự án, cụ thể như: địa phương chưa quy hoạch vùng trồng dược liệu quý, chưa phê duyệt phương án khảo sát vùng đất trồng dược liệu quý; không có doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nào đáp ứng được điều kiện theo quy định để đề xuất thực hiện dự án nên tỉnh đã tạm dừng, không tham mưu xây dựng Nghị quyết.

2.3. Công tác phối hợp trong quản lý, tổ chức thực hiện; công tác chấp hành chế độ kiểm tra, giám sát

¹⁴ Bao gồm: Quyết định ban hành Kế hoạch thực hiện; Nghị quyết quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn NSNN; Nghị quyết quy định cơ chế lồng ghép và huy động nguồn vốn thực hiện các Chương trình MTQG; Nghị quyết và Quyết định giao kế hoạch giai đoạn và hằng năm; Nghị quyết quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình MTQG; Quyết định Quy định phân cấp quản lý, tổ chức thực hiện; Quyết định Quy định về chi phí hỗ trợ chuẩn bị đầu tư, quản lý dự án đối với dự án được áp dụng cơ chế đặc thù thuộc các Chương trình MTQG; Danh mục loại dự án được áp dụng cơ chế đặc thù thuộc 03 lĩnh vực: giao thông, nông nghiệp và xây dựng dân dụng; Thiết kế mẫu, thiết kế điển hình cho các dự án thuộc lĩnh vực giao thông; Thiết kế mẫu, thiết kế điển hình các công trình thuộc lĩnh vực xây dựng dân dụng; Quy định áp dụng các thiết kế sẵn có để thực hiện đối với các dự án thuộc lĩnh vực nông nghiệp; Quy định việc quản lý, vận hành; Quy trình bảo trì, mức chi phí bảo trì đối với các công trình được đầu tư xây dựng theo cơ chế đặc thù thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025.

¹⁵ Nghị quyết số 02/2024/NQQPPL-HĐND ngày 03/05/2024 sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Nghị quyết 09/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 quy định hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2021 - 2025; Nghị quyết 16/2024/NQQPPL-HĐND ngày 07/11/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định cơ chế lồng ghép nguồn vốn và huy động các nguồn lực khác thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk ban hành kèm Nghị quyết số 04/2023/NQ-HĐND ngày 20/4/2023 của HĐND tỉnh Đắk Lắk; Nghị quyết số 19/2024/NQQPPL-HĐND ngày 07/11/2024 sửa đổi, bổ sung Điều 4 Nghị quyết số 06/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của HĐND tỉnh quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2012-2030 giai đoạn I; từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

- Cơ chế phối hợp giữa các cấp, các ngành trong quá trình tổ chức thực hiện Chương trình: Trên cơ sở Quyết định số 1189/QĐ-UBND ngày 24/5/2022 và Kế hoạch thực hiện Chương trình hàng năm của UBND tỉnh¹⁶, các cơ quan, đơn vị được giao chủ trì tham mưu thực hiện các dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần và UBND các huyện, thị xã, thành phố đã chủ động xây dựng kế hoạch năm để triển khai thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao.

- Cơ chế phân cấp quản lý, trao quyền cho địa phương, cơ sở và người dân thực hiện Chương trình: thực hiện theo Quyết định số 13/2023/QĐ-UBND ngày 29/3/2023 của UBND tỉnh ban hành Quy định về phân cấp quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk. Theo đó, các sở, ngành, địa phương đã chủ động tham mưu thực hiện theo đúng chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền đã được phân công, phân cấp.

- Công tác theo dõi, giám sát, đánh giá Chương trình: Trên cơ sở Kế hoạch số 34/KH-UBND ngày 06/3/2023 của UBND tỉnh về Kiểm tra, đánh giá thực hiện Chương trình MTQG 1719 giai đoạn 2021 - 2025, các cơ quan chủ trì, cơ quan chủ dự án thành phần và UBND các huyện, thị xã, thành phố xây dựng kế hoạch kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần theo quy định.

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Về triển khai thực hiện chính sách

1.1. Việc cụ thể hóa, xây dựng kế hoạch, mục tiêu, chỉ tiêu thực hiện các chính sách của chương trình trên địa bàn: Thực hiện theo Quyết định số 1189/QĐ-UBND ngày 24/5/2022 của UBND tỉnh; Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 24/8/2022; Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 20/4/2023 của HĐND tỉnh.

1.2. Việc thực hiện phối hợp, lồng ghép với các chương trình mục tiêu quốc gia khác (*Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới; Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững và các chương trình, chính sách khác*): Thực hiện theo Nghị quyết số 04/2023/NQ-HĐND ngày 20/4/2023 của HĐND tỉnh quy định cơ chế lồng ghép nguồn vốn và huy động các nguồn lực khác thực hiện các Chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

2. Về phân bổ, giải ngân vốn

2.1. Về phân bổ vốn được giao (tính đến 31/4/2025)

Căn cứ các Quyết định giao vốn ngân sách nhà nước của Trung ương, tỉnh đã hoàn thành việc giao chỉ tiêu, kế hoạch vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước

¹⁶ Năm 2024: Kế hoạch số 50/KH-UBND ngày 21/3/2024;
 Năm 2025: Kế hoạch số 34/KH-UBND ngày 11/02/2025.

giai đoạn 2021- 2025 cho các đơn vị, địa phương theo quy định. Tổng số vốn ngân sách nhà nước đã phân bổ thực hiện Chương trình MTQG 1719 là 3.334.528/3.523.467 triệu đồng, đạt 94,6% kế hoạch (vốn đầu tư phát triển 2.083.313/2.272.252 triệu đồng¹⁷, đạt 91,6% kế hoạch; vốn sự nghiệp 1.251.215/1.251.215 triệu đồng¹⁸, đạt 100% kế hoạch). Cụ thể:

- Ngân sách Trung ương đã phân bổ 3.000.628/3.189.567 triệu đồng, đạt 94,1% kế hoạch (vốn đầu tư phát triển 1.863.313/2.052.252 triệu đồng, đạt 90,8% kế hoạch; vốn sự nghiệp 1.137.315/1.137.315 triệu đồng, đạt 100% kế hoạch).

- Ngân sách tỉnh đối ứng thực hiện đã phân bổ là 333.900/333.900 triệu đồng, đạt 100% kế hoạch (vốn đầu tư phát triển 220.000/220.000 triệu đồng đạt 100% kế hoạch; vốn sự nghiệp 113.900/113.900 triệu đồng đạt 100% kế hoạch).

2.2. Kết quả giải ngân vốn ngân sách nhà nước giao (*số liệu lũy kế từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/4/2025*)

Giai đoạn 2021 - 2025, tỉnh Đắk Lắk đã thực hiện giải ngân vốn ngân sách nhà nước giao là 2.199.686 triệu đồng, đạt 66,0% kế hoạch vốn giao (vốn đầu tư phát triển 1.533.795 triệu đồng, đạt 73,6% kế hoạch; vốn sự nghiệp 665.891 triệu đồng, đạt 53,2% kế hoạch). Cụ thể:

- Vốn ngân sách Trung ương đã giải ngân 1.986.255 triệu đồng, đạt 66,2% kế hoạch (vốn đầu tư phát triển 1.391.805 triệu đồng, đạt 74,7% kế hoạch; vốn sự nghiệp 594.450 triệu đồng, đạt 52,3% kế hoạch).

- Vốn ngân sách tỉnh đã giải ngân 213.432 triệu đồng, đạt 63,9% kế hoạch (vốn đầu tư phát triển 141.990 triệu đồng, đạt 64,5% kế hoạch; vốn sự nghiệp 71.442 triệu đồng, đạt 62,7% kế hoạch).

- Nguồn vốn tín dụng: Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh đã thực hiện cho vay theo Nghị định số 28/2022/NĐ-CP của Chính phủ 104.714 triệu đồng với 2.020 khách hàng (trong đó: Cho vay hỗ trợ nhà ở 29.711 triệu đồng/767 hộ; vay hỗ trợ đất sản xuất 2.084 triệu đồng/43 hộ; vay chuyên đổi nghề 72.919 triệu đồng/1.210 hộ).

3. Kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu chủ yếu

- Năm 2022: Tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số giảm từ 26,74% xuống còn 23,08%, giảm 3,66% so với cuối năm 2021, số hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số giảm từ 41.515 hộ xuống còn 35.982 hộ, giảm 5.533 hộ, đạt tỷ lệ 104,6% kế hoạch.

¹⁷ Đã giao tại Quyết định số 652/QĐ-TTg ngày 28/5/2022 và Quyết định số 147/QĐ-TTg ngày 23/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ.

¹⁸ Đã giao các năm 2022, 2023, 2024.

- Năm 2023: Tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số giảm 3,38%, từ 23,08% xuống còn 19,70%; số hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số giảm 4.753 hộ, từ 35.982 hộ xuống còn 31.229 hộ, đạt tỷ lệ 96,6% kế hoạch.

- Năm 2024: Tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số giảm 5,99%, từ 19,70% xuống còn 13,71%; số hộ nghèo dân tộc thiểu số giảm được 6.947 hộ, từ 31.229 hộ xuống còn 24.282 hộ¹⁹, vượt kế hoạch đề ra.

- Tỷ lệ thôn, buôn ra khỏi địa bàn đặc biệt khó khăn giảm 12,5% (giảm 65 thôn, buôn) do sáp nhập thôn, buôn đặc biệt khó khăn²⁰.

4. Đánh giá việc thực hiện các mục tiêu cụ thể, các kết quả, đầu ra chủ yếu của các dự án, tiểu dự án

4.1. Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt

Kinh phí phân bổ thực hiện là 188.081 triệu đồng (ngân sách trung ương 174.636 triệu đồng; ngân sách tỉnh 13.445 triệu đồng). UBND tỉnh giao UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức rà soát, phê duyệt danh sách đối tượng thụ hưởng (theo thứ tự ưu tiên) trên cơ sở nguồn vốn được giao để xây dựng phương án, kế hoạch triển khai hỗ trợ theo quy định. Trong giai đoạn 2021 - 2025, tỉnh đã thực hiện hỗ trợ đất ở cho 53 hộ, hỗ trợ nhà ở cho 1.009 hộ, hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán cho 16.085 hộ; hỗ trợ chuyển đổi nghề, mua sắm máy móc nông cụ cho 139 hộ²¹; đầu tư xây dựng 02 công trình nước sinh hoạt tập trung. Kinh phí giải ngân là 92.570 triệu đồng, đạt tỷ lệ 49,2% kế hoạch (ngân sách trung ương 87.046 triệu đồng; ngân sách tỉnh 5.524 triệu đồng). Tỷ lệ giải ngân của Dự án 1 không cao là do một số nguyên nhân, cụ thể: Định mức hỗ trợ đất ở, nhà ở 44 triệu đồng/hộ, không phù hợp với giá thị trường vì các hộ nghèo không có nguồn kinh phí để đối ứng thêm; một số hộ nghèo có nhu cầu vay vốn thêm nhưng vướng nợ xấu nên Ngân hàng Chính sách xã hội không thể giải ngân vốn vay được; một số đối tượng không đảm bảo điều kiện về đất đai như: Không có đất ở (đang ở nhờ nhà bố mẹ, anh chị em, họ hàng); đất không thuộc quy hoạch đất ở nên không thể làm nhà. Đồng thời, cấp cơ sở chưa chủ động trong việc rà soát, điều chỉnh đối tượng thụ hưởng, ảnh hưởng đến tiến độ triển khai thực hiện chính sách.

4.2. Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết

¹⁹ Theo Quyết định số 66/QĐ-UBND ngày 14/01/2025 Phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2024.

²⁰ Quyết định số 497/QĐ-UBND ngày 30/07/2024 của Ủy ban Dân tộc.

²¹ Xã Tân Hòa, huyện Buôn Đôn với kinh phí 900 triệu đồng.

Kinh phí phân bổ thực hiện là 609.029 triệu đồng (ngân sách trung ương 591.753 triệu đồng; ngân sách tỉnh 17.276 triệu đồng). Tỉnh đã hoàn thành đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng 02 dự án ổn định, sắp xếp dân cư tại 02 huyện²²; triển khai thực hiện theo kế hoạch 14 dự án ổn định, sắp xếp dân cư (11 dự án khởi công năm 2023; 02 dự án khởi công năm 2024; 01 dự án khởi công năm 2025). Hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán cho 803 hộ; xây dựng 32 dự án hỗ trợ phát triển sản xuất và sinh kế cộng đồng cho 487 hộ và 16 nhóm hộ tại 06 xã. Kinh phí giải ngân là 360.645 triệu đồng, đạt tỷ lệ 59,2% kế hoạch (ngân sách trung ương 351.644 triệu đồng; ngân sách tỉnh 9.001 triệu đồng). Sau khi các dự án hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng, sẽ mang lại những tác động tích cực cả về mặt kinh tế và xã hội đối với người dân vùng dự án.

4.3. Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị

Kinh phí phân bổ thực hiện là 235.388 triệu đồng (ngân sách trung ương 229.738 triệu đồng; ngân sách tỉnh 5.650 triệu đồng); đã giải ngân 165.569 triệu đồng, đạt tỷ lệ 70,3% kế hoạch (ngân sách trung ương).

- Tiểu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân: Chưa thực hiện.

Nguyên nhân là: Theo khoản 1 Điều 17 Thông tư số 12/2022/TT-BNNPTNT ngày 20/9/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, quy định về đối tượng rừng được hỗ trợ khoán bảo vệ rừng là: “*Diện tích rừng được Nhà nước giao cho Ban quản lý rừng phòng hộ; rừng đặc dụng, rừng phòng hộ được nhà nước giao cho tổ chức kinh tế quản lý; diện tích rừng tự nhiên do Ủy ban nhân dân cấp xã trực tiếp quản lý*”. Trên thực tế, các Ban quản lý rừng phòng hộ; rừng đặc dụng (trực thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT) và các tổ chức kinh tế là các công ty lâm nghiệp (trực thuộc UBND tỉnh); do đó trong thời gian qua nguồn kinh phí thực hiện Tiểu dự án 1 Dự án 3 không phân bổ được cho các chủ rừng là các Ban quản lý rừng và Công ty lâm nghiệp. Đồng thời, theo phản ánh của một số địa phương: “*Đối với diện tích rừng khoán bảo vệ rừng; hỗ trợ khoán bảo vệ rừng đối với rừng đặc dụng, rừng phòng hộ mặc dù huyện đã triển khai cho các xã, thị trấn đăng ký nhưng không có đơn vị nào đăng ký thực hiện Tiểu dự án 1 Dự án 3 với lý do là không có diện tích rừng dự kiến giao cho người dân. Các diện tích rừng đủ điều kiện để triển khai giao khoán bảo vệ rừng; hỗ trợ khoán bảo vệ rừng đối với rừng đặc dụng, phòng hộ chủ yếu tập trung ở các đơn vị chủ rừng*”. Do vậy, để kịp thời giải quyết những vấn đề phát sinh trong thực tế, tỉnh đã thực hiện điều chỉnh tiêu chí, định mức phân bổ vốn

²² Dự án Ổn định, sắp xếp dân cư tại chỗ cho đồng bào dân tộc thiểu số buôn Tliêr, xã Hòa Phong, huyện Krông Bông; Dự án Ổn định dân cư tại thôn 4A, xã Cư Kbang, huyện Ea Súp.

cho các sở, ngành cấp tỉnh và địa phương tại Nghị quyết số 19/2024/NQ-HĐND ngày 07/11/2024 của HĐND tỉnh.

- Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào DTTS&MN: Giai đoạn 2022 - 2025, tỉnh triển khai thực hiện Dự án đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý trên địa bàn huyện Lắc, tuy nhiên do gặp nhiều khó khăn trong triển khai thực hiện, cụ thể như: địa phương chưa quy hoạch vùng trồng dược liệu quý, chưa phê duyệt phương án khảo sát vùng đất trồng dược liệu quý; không có doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nào đáp ứng được điều kiện theo quy định để đề xuất thực hiện Dự án nên tỉnh đã tạm dừng, không thực hiện Dự án. Đồng thời, do các địa phương không có điều kiện thực hiện phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, căn cứ vào tình hình thực tế, đa số các địa phương đều tập trung hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế. Đến nay, đã thực hiện hỗ trợ cho 6.016 hộ/nhóm hộ trên địa bàn 10 huyện, chủ yếu là mô hình chăn nuôi bò, dê sinh sản. Các dự án cơ bản phát huy hiệu quả, tạo thêm nguồn lực, sinh kế để các hộ dân vươn lên phát triển kinh tế, nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống và từng bước vươn lên thoát nghèo.

4.4. Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực dân tộc

Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

Kinh phí phân bổ thực hiện là 1.423.862 triệu đồng (ngân sách trung ương 1.244.563 triệu đồng; ngân sách tỉnh 179.299 triệu đồng). Tỉnh đã đầu tư, nâng cấp 157 công trình cơ sở hạ tầng, gồm 117 công trình giao thông nông thôn; 3 công trình điện; 2 công trình nhà sinh hoạt cộng đồng; 4 công trình trạm y tế; 10 công trình trường học; 21 công trình thủy lợi. Trong đó: đã hoàn thành đầu tư 102 công trình cơ sở hạ tầng²³, đang tiếp tục triển khai thực hiện 55 công trình cơ sở hạ tầng còn lại²⁴. Thực hiện duy tu bảo dưỡng 395 công trình cơ sở hạ tầng trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo kế hoạch (trong đó, 96 công trình HĐND tỉnh giao tại Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 07/12/2023; 299 công trình HĐND tỉnh giao tại Nghị quyết số 41/NQ-HĐND, ngày 07/11/2024)²⁵. Kinh phí đã giải ngân 1.209.246 triệu đồng, đạt tỷ lệ 84,9% kế hoạch (ngân sách trung ương 1.046.233 triệu đồng; ngân sách tỉnh 163.013 triệu

²³ Công trình điện 02; công trình Y tế 01; Công trình trường học 07; công trình thủy lợi 12; công trình giao thông nông thôn 80.

²⁴ Công trình điện 01; công trình nhà văn hóa sinh hoạt cộng đồng 02; Công trình trường học 03; công trình thủy lợi 09; công trình giao thông nông thôn 40.

²⁵ Gồm: 288 công trình giao thông nông thôn; 72 công trình nhà sinh hoạt cộng đồng; 04 công trình nước sinh hoạt tập trung; 07 công trình thủy lợi; 01 trạm y tế; 22 trường học.

đồng). Các công trình hoàn thành, đưa vào sử dụng góp phần hoàn thiện hệ thống hạ tầng thiết yếu vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, qua đó giúp đồng bào có thêm động lực và điều kiện phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập.

4.5. Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

Kinh phí phân bổ thực hiện 316.620 triệu đồng (ngân sách trung ương 286.400 triệu đồng; ngân sách tỉnh 30.220 triệu đồng); đã giải ngân 184.741 triệu đồng, đạt tỷ lệ 58,3% kế hoạch (ngân sách trung ương 174.476 triệu đồng; ngân sách tỉnh 10.264 triệu đồng). Kết quả thực hiện:

(1) Tiêu dự án 1 Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú (PTDTNT), trường phổ thông dân tộc bán trú (PTDTBT), trường Phổ thông có học sinh bán trú (trường phổ thông có HSBT) và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào DTTS: Thực hiện cải tạo, nâng cấp 18 trường PTDTNT, trường PTDTBT, trường phổ thông có HSBT trên địa bàn 14 huyện, thị xã, thành phố, trong đó đã bàn giao đưa vào sử dụng 09 công trình nâng cấp, cải tạo trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú; 05 dự án còn lại tiếp tục thực hiện đúng tiến độ và sẽ hoàn thành vào năm 2025 theo đúng kế hoạch; tổ chức 07 lớp xóa mù chữ cho người dân tại 06 xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Sau khi dự án cải tạo, nâng cấp các trường Phổ thông DTNT, DTBT, trường phổ thông có học sinh ở bán trú hoàn thành và đưa vào sử dụng, sẽ đảm bảo điều kiện cơ sở vật chất mức độ 1 theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đáp ứng được yêu cầu phục vụ giảng dạy theo chương trình GDPT 2018. Bên cạnh đó, công tác xóa mù chữ cũng được các cấp ủy Đảng và chính quyền địa phương đặc biệt quan tâm. Nhiều chủ trương, chính sách của tỉnh được thể hiện thông qua các nghị quyết, kế hoạch, chương trình hành động về việc thực hiện công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ trên địa bàn tỉnh, góp phần quan trọng trong việc nâng cao chất lượng giáo dục học sinh vùng đồng bào DTTS, vùng khó khăn.

(2) Tiêu dự án 2 Bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số:

Nội dung số 01. Bồi dưỡng kiến thức dân tộc: Tỉnh đã tổ chức 30 lớp tập huấn bồi dưỡng kiến thức dân tộc với 2.646 lượt học viên²⁶; 8 lớp bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số (tiếng Ê đê) với 508 học viên²⁷ thuộc đối tượng 3; đối

²⁶ Ban Dân tộc 1.169 người; Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh 375 người; Công an tỉnh 882 người; Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh 220 người.

²⁷ Ban Dân tộc 208 người; Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh 160 người; Công an tỉnh 80 người; Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh 60 người.

tượng 4; lực lượng công an công tác, đóng quân trên địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Tham gia các lớp bồi dưỡng, học viên được cập nhật những kiến thức mới về công tác dân tộc, tiếng dân tộc thiểu số, góp phần thực hiện tốt công tác tuyên truyền, vận động đồng bào các dân tộc thiểu số tham gia thực hiện có hiệu quả Chương trình MTQG 1719.

Nội dung số 02. Đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học: Tỉnh dự kiến ký kết hợp đồng với Phân hiệu Học viện Hành chính Quốc gia tại tỉnh Đắk Lắk (nay là Phân hiệu Học viện Hành chính và Quản trị công tại tỉnh Đắk Lắk) đào tạo Thạc sĩ Quản lý công đối với 46 cán bộ, công chức, viên chức dân tộc thiểu số. Ngày 19/9/2024, Phân hiệu Học viện Hành chính quốc gia khu vực Tây Nguyên đã ban hành Công văn số 279/PHĐL-ĐTBD về việc phối hợp đào tạo sau đại học ngành Quản lý công. Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 2 Điều 49 Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30/6/2022 của Ủy ban Dân tộc (sửa đổi, bổ sung tại khoản 24 Điều 1 Thông tư số 02/2023/TT-UBND ngày 21/8/2023), để thực hiện nội dung đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học thuộc Tiểu dự án 2 Dự án 5, các tỉnh phải ký kết hợp đồng đào tạo với các cơ sở giáo dục đại học làm phát sinh thêm thủ tục hành chính. Đồng thời, việc thực hiện sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương hai cấp theo chỉ đạo của Trung ương cũng đã ảnh hưởng đến tiến độ triển khai Dự án. Vì vậy, Sở Nội vụ (cơ quan thực hiện Dự án) đề xuất dừng thực hiện Dự án trong giai đoạn 2021 - 2025 (giai đoạn I).

(3) Tiểu dự án 3 Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi phù hợp với điều kiện tự nhiên và tập quán của vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi gắn với giải quyết việc làm và hiệu quả việc làm sau đào tạo: Bồi dưỡng nghiệp vụ cho 35 giáo viên giáo dục nghề nghiệp; tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác tuyên truyền, tư vấn hướng nghiệp, học nghề, việc làm và hỗ trợ việc làm, đi làm việc ở nước ngoài với hơn 200 người tham gia; mở 92 lớp hỗ trợ đào tạo nghề với hơn 1.545 lượt người tham gia; hỗ trợ cho 13 lao động đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài; hỗ trợ lắp đặt 05 pano tuyên truyền; tổ chức 10 phiên tư vấn hỗ trợ, giới thiệu, tư vấn việc làm cho hơn 6.000 lượt người.

Thời gian qua, công tác phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động đã được các cấp, các ngành, địa phương trên địa bàn tỉnh quan tâm và triển khai hiệu quả. Dự án đã góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và giải quyết việc làm cho lao động là người dân tộc thiểu số ở địa phương. Tuy nhiên, việc thực hiện Dự án cũng gặp rất nhiều khó khăn trong công tác rà soát đối tượng thực hiện; các đối tượng đăng ký nhiều ngành nghề khác nhau, không đủ số lượng học viên để mở lớp đào tạo; đối tượng thụ hưởng

của Chương trình trùng lặp với đối tượng của Chương trình MTQG Nông thôn mới và Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững; các ngành nghề đào tạo tại Trung tâm GDNN-GDTX có thời gian đào tạo ngắn, kỹ năng của người lao động còn thấp nên khó kết nối được với doanh nghiệp có nhu cầu tuyển dụng... dẫn đến kết quả giải ngân thấp.

(4) *Tiểu Dự án 4. Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp:* Ngày 11/11/2022, tỉnh Đắk Lắk đã ban hành Kế hoạch²⁸ đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp theo quy định. Tuy nhiên đến ngày 16/8/2024 Ủy ban Dân tộc mới ban hành đầy đủ Bộ tài liệu²⁹ làm cơ sở cho các địa phương xây dựng nội dung đào tạo nâng cao năng lực. Vì vậy, năm 2024 tỉnh Đắk Lắk mới triển khai thực hiện Dự án. Đến nay, tỉnh đã tổ chức 03 Đoàn học tập, trao đổi kinh nghiệm thực hiện Chương trình tại các tỉnh; 31 lớp tập huấn nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp, với hơn 3.300 lượt học viên tham dự.

4.6. Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch

Kinh phí phân bổ thực hiện 71.482 triệu đồng (ngân sách trung ương 64.232 triệu đồng; ngân sách tỉnh 7.250 triệu đồng); đã giải ngân 43.057 triệu đồng, đạt tỷ lệ 60,2% kế hoạch (ngân sách trung ương 39.221 triệu đồng; ngân sách tỉnh 3.836 triệu đồng).

Giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2024 đã thực hiện là 329 hoạt động/322 hoạt động theo chỉ tiêu của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch giao, trong đó: Hoàn thành, nghiệm thu, đưa vào sử dụng Dự án hỗ trợ đầu tư xây dựng điểm đến du lịch tiêu biểu buôn Tong Jú, xã Ea Kao, thành phố Buôn Ma Thuột và buôn Jun, thị trấn Liên Sơn, huyện Lắk; đang tiến hành công tác nghiệm thu Dự án Cải tạo, nâng cấp, mở rộng và xây dựng mới một số Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn, buôn trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; bàn giao mặt bằng thi công Dự án tu bổ, tôn tạo, chống xuống cấp Di tích lịch sử CADA và di tích lịch sử Địa điểm Miếu thờ tại đồn điền CADA, xã Ea Yông, huyện Krông Pắc; Dự án cải tạo, nâng cấp, mở rộng và xây dựng mới nhà văn hóa, sân thể thao cho một số thôn, buôn trên địa bàn một số huyện và thị xã Buôn Hồ đang lập hồ sơ triển khai thực hiện theo quy định. Hỗ trợ đầu tư xây dựng và nâng cấp 44 thiết chế văn hóa, thể thao thôn, buôn; Hoàn thành 01 cuộc khảo sát, kiểm kê, sưu tầm, tư liệu hóa di

²⁸ Quyết định số 2527/QĐ-UBND ngày 11/11/2022 của UBND tỉnh về kế hoạch thực hiện Tiểu dự án 4 Dự án 5: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp thuộc chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

²⁹ Quyết định số 951/QĐ-UBND ngày 08/12/2023; Quyết định số 86/QĐ-UBND ngày 20/02/2024; Quyết định số 538/QĐ-UBND ngày 16/8/2024

sản văn hóa truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số; Bảo tồn, phát huy 09 lễ hội truyền thống tiêu biểu các dân tộc thiểu số; Tổ chức 32 lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, truyền dạy về bảo tồn, phát huy các loại hình văn hóa phi vật thể; Nghiên cứu, phục hồi, bảo tồn, phát huy 01 giá trị văn hóa phi vật thể dân tộc M'Nông tại buôn Dong Bắk, xã Yang Tao, huyện Lắk; Xây dựng 02 mô hình văn hóa truyền thống các dân tộc thiểu số; Xây dựng 11 Câu lạc bộ sinh hoạt văn hóa dân gian; Hỗ trợ hoạt động cho 73 đội văn nghệ truyền thống tại các thôn, buôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số; Xây dựng 01 nội dung, xuất bản sách, đĩa phim tư liệu về văn hóa truyền thống đồng bào dân tộc thiểu số để cấp phát cho cộng đồng các dân tộc thiểu số; Tổ chức 09 hoạt động thi đấu thể thao truyền thống các dân tộc thiểu số cấp huyện; Tổ chức 01 hoạt động thi đấu thể thao truyền thống các dân tộc thiểu số cấp tỉnh; Hỗ trợ thông tin tuyên truyền quảng bá du lịch, giá trị văn hóa truyền thống tiêu biểu của đồng bào dân tộc thiểu số và hỗ trợ thông tin cho khách du lịch cho 02 Điểm thông tin Văn hóa - Du lịch huyện Lắk và huyện Buôn Đôn; Hỗ trợ xây dựng 26 tủ sách cộng đồng cho các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số; Hỗ trợ trang thiết bị cho 113 nhà văn hóa cộng đồng tại các thôn, buôn.

Trong những năm qua, tỉnh Đắk Lắk đã tập trung hỗ trợ bảo tồn các buôn văn hóa, di tích lịch sử, bản sắc văn hóa và nghệ thuật truyền thống, đồng thời tạo điều kiện cho cộng đồng dân cư tham gia vào các hoạt động du lịch cộng đồng, nhằm nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho đồng bào dân tộc thiểu số, từng bước thay đổi ý thức và nhận thức của các tầng lớp nhân dân trong công tác bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số. Tuy nhiên, theo hướng dẫn của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, việc mua sắm trang phục, đạo cụ, nhạc cụ; thuê hoặc mua sắm thiết bị âm thanh, ánh sáng đáp ứng tối thiểu nhu cầu tập luyện, biểu diễn có một số yêu cầu đặc thù theo từng địa phương nên quá trình thực hiện còn nhiều hạn chế nhất định. Một số địa phương chưa đáp ứng đủ về nguồn nhân lực để thực hiện nghiên cứu khoa học về các dự án liên quan đến văn hóa phi vật thể và văn hóa truyền thống của dân tộc thiểu số, đặc biệt là các nghiên cứu phục hồi, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa.

4.7. Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe Nhân dân, nâng cao thể trạng, tâm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em

Kinh phí phân bổ thực hiện 98.398 triệu đồng (ngân sách trung ương 77.148 triệu đồng; ngân sách tỉnh 21.250 triệu đồng); đã giải ngân 86.139 triệu đồng, đạt tỷ lệ 87,5% kế hoạch (ngân sách trung ương 66.756 triệu đồng; ngân sách tỉnh 19.383 triệu đồng).

- Nội dung 1 Xây dựng và phát triển y tế cơ sở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: Hoàn thành 02 dự án đầu tư cơ sở vật chất và mua sắm trang thiết bị thiết yếu cho Trung tâm Y tế huyện M'Đrăk và Trung tâm Y tế huyện Ea Súp.

- Nội dung 2 Nâng cao chất lượng dân số vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: Triển khai mô hình Chăm sóc dinh dưỡng 1.000 ngày đầu đời tại 22 xã; Tổ chức 108 buổi nói chuyện chuyên đề tại 54 xã vùng III để người dân, thanh niên thực hiện tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn, tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh tật trước sinh và sơ sinh; Tư vấn vận động cho cộng đồng, cho các gia đình có người cao tuổi và bản thân người cao tuổi nâng cao kiến thức, kỹ năng phòng bệnh, tự chăm sóc sức khỏe và vai trò của người cao tuổi, với 3.240 người tham dự; Tổ chức Chiến dịch truyền thông lồng ghép cung cấp dịch vụ khám sức khỏe sàng lọc một số bệnh thường gặp ở người cao tuổi tại 09 xã/02 huyện, lập hồ sơ theo dõi sức khỏe cho 1.700 người cao tuổi; Tổ chức 39 hội nghị, tập huấn về nâng cao năng lực quản lý dân số và năng lực cơ sở y tế vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi với trên 1.610 cán bộ y tế, viên chức dân số của Trạm Y tế xã tham dự; Tổ chức Chiến dịch truyền thông lồng ghép cung cấp dịch vụ khám sức khỏe sàng lọc một số bệnh thường gặp ở người cao tuổi tại 08 xã khu vực III trên địa bàn huyện Ea Súp, lập và quản lý hồ sơ sức khỏe người cao tuổi định kỳ cho 2.417 người.

Với mục tiêu cải thiện sức khỏe của người dân tộc thiểu số về thể chất và tinh thần, tầm vóc, tuổi thọ, Dự án đã góp phần hỗ trợ, chăm sóc, cải thiện sức khỏe người dân vùng đồng bào DTTS&MN, đặc biệt là phụ nữ mang thai, bà mẹ, trẻ em và người cao tuổi. Tuy nhiên, trong giai đoạn 2022 - 2024, một số phòng Y tế (cơ quan chủ dự án cấp huyện) được giao kinh phí sự nghiệp thực hiện Dự án, nhưng do biên chế ít hoặc có Phòng đã giải thể, sáp nhập với Văn phòng UBND huyện, phân công 01 công chức làm công tác quản lý nhà nước về Y tế nên tiến độ thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ của Dự án chưa đạt kế hoạch, tỷ lệ giải ngân thấp. Vì vậy, nhằm tháo gỡ khó khăn trong triển khai thực hiện Dự án, góp phần tăng tỷ lệ giải ngân vốn, tỉnh đã thực hiện điều chỉnh định mức phân bổ vốn cho Sở Y tế và các địa phương tại Nghị quyết số 19/2024/NQ-HĐND ngày 07/11/2024 của HĐND tỉnh.

4.8. Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em

Kinh phí phân bổ thực hiện 42.163 triệu đồng (ngân sách trung ương 39.113 triệu đồng; ngân sách tỉnh 3.050 triệu đồng); đã giải ngân 22.281 triệu đồng, đạt tỷ lệ 52,8% kế hoạch (trong đó ngân sách trung ương 21.053 triệu đồng; ngân sách tỉnh 1.228 triệu đồng).

Tổ chức 23 Hội nghị tổng quan kiến thức về giới, bình đẳng giới, phát hiện các vấn đề cấp thiết của phụ nữ và trẻ em với trên 1.800 người tham gia; thành lập, duy trì 156 câu lạc bộ mô hình “Thủ lĩnh của sự thay đổi”, “Tổ truyền thông cộng đồng”, “Địa chỉ tin cậy tại cộng đồng”, “Thay đổi nếp nghĩ, cách làm trong phát triển kinh tế hộ gia đình DTTS nghèo” với hơn 853 thành viên; Tổ chức chiến dịch truyền thông tại 25 xã về các nội dung tuyên truyền, vận động xoá bỏ định kiến giới và khuôn mẫu giới, xây dựng môi trường sống an toàn cho phụ nữ và trẻ em, vận động xoá bỏ những tập tục văn hoá có hại như tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống...; cấp phát 720 tờ rơi tuyên truyền về bình đẳng giới; Tổ chức các Hội thi “Các mô hình tổ truyền thôn cộng đồng gắn với tìm hiểu Luật bình đẳng giới”, “Tìm hiểu kiến thức Luật Phòng chống bạo lực gia đình”, “Các mô hình tổ truyền thông cộng đồng gắn với tìm hiểu Luật Bình đẳng giới”; Tổ chức các lớp tập huấn cho thành viên mô hình/câu lạc bộ, cán bộ thôn/buôn và truyền thông với các chuyên đề về công tác bình đẳng giới, lồng ghép giới, những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em trên địa bàn với hơn 4.026 người tham gia; Tổ chức Chiến dịch truyền thông cấp xã với hình thức sân khấu hoá; Toạ đàm, diễn đàn “lắng nghe trẻ em nói”; Trao tặng loa di động cho các tổ truyền thông cộng đồng và thực hiện các nội dung khác theo chỉ tiêu kế hoạch ban hành; giáo dục trợ giúp pháp lý thực hiện Dự án 8 tại 08 xã trên địa bàn huyện Ea Súp với 571 người tham gia; tổ chức 04 cuộc đối thoại chính sách; tổ chức và hướng dẫn vận hành 03 câu lạc bộ thủ lĩnh tại 03 trường THCS và 01 buôn trên địa bàn huyện Krông Pắc; 03 đợt truyền thông các vấn đề chăm sóc sức khỏe cho phụ nữ và trẻ em với 250 lượt người tham gia.

Các hoạt động hàng năm của Dự án 8 được thiết kế, triển khai bám sát định hướng chung của Chương trình, linh hoạt, sáng tạo trong thực hiện, phù hợp với điều kiện thực tế từng địa phương. Những chuyển biến tích cực, bước đầu thay đổi “nếp nghĩ, cách làm” của người dân tại các xã, thôn đặc biệt khó khăn là thành công lớn của Dự án, góp phần giải quyết hiệu quả một số vấn đề xã hội cấp thiết đang đặt ra đối với phụ nữ, trẻ em và thúc đẩy bình đẳng giới vùng đồng bào DTTS&MN. Trong giai đoạn, có nhiều cá nhân điển hình là phụ nữ và trẻ em DTTS, già làng/trưởng buôn, người có uy tín trong cộng đồng tiên phong thay đổi “nếp nghĩ, cách làm”, xoá bỏ những định kiến giới, thói quen, tập tục lạc hậu... và tích cực tuyên truyền mục tiêu, nhiệm vụ của Dự án đến đông đảo người dân trong cộng đồng. Tuy nhiên, việc duy trì hiệu quả hoạt động của Tổ truyền thông cộng đồng, Câu lạc bộ “Thủ lĩnh của sự thay đổi” trong giai đoạn đầu gặp khó khăn do chưa được cấp kinh phí hoạt động từ nguồn ngân sách địa phương theo hướng dẫn của Bộ Tài chính tại Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023.

4.9. Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn

Kinh phí phân bổ thực hiện 21.047 triệu đồng (ngân sách trung ương 17.937 triệu đồng; ngân sách tỉnh 3.110 triệu đồng); đã giải ngân 12.942 triệu đồng, đạt tỷ lệ 61,5% kế hoạch (ngân sách trung ương 12.795 triệu đồng; ngân sách tỉnh 147 triệu đồng).

- Tiêu dự án 1. Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội nhóm dân tộc thiểu số rất ít người, nhóm dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù: Đã thực hiện sửa chữa 06 công trình giao thông; 02 công trình nhà sinh hoạt cộng đồng tại 11 thôn có dân tộc khó khăn đặc thù sinh sống của huyện Ea Súp và huyện Krông Năng.

Căn cứ Quyết định số 1227/QĐ-TTg ngày 14/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ, tỉnh Đắk Lắk có 01/14 dân tộc (dân tộc Chứt) là dân tộc có khó khăn đặc thù, với 156 hộ sinh sống tại địa bàn 16 thôn thuộc các xã khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn; có 30/32 dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, với tổng số 128.957 hộ, cư trú ở tất cả các xã, phường, thị trấn trong tỉnh. Tuy nhiên, theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, hướng dẫn của Ủy ban Dân tộc và Bộ Tài chính về thực hiện Tiêu dự án 2 Dự án 9, đối tượng “dân tộc thiểu số có khó khăn đặc thù” có rất nhiều chính sách hỗ trợ, nhưng đối tượng “dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn” không được hưởng chính sách nào đối với nội dung hỗ trợ. Đồng thời, từ năm 2023, tỉnh Đắk Lắk tạm dừng thực hiện Tiêu dự án này theo hướng dẫn của Ủy ban Dân tộc³⁰ tại Công văn số 1017/UBND-DTTS ngày 21/6/2023. Vì vậy tỷ lệ giải ngân kinh phí thực hiện Tiêu dự án 2 Dự án 9 thấp.

- Tiêu dự án 2. Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: Tổ chức 48 Hội nghị truyền thông, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, chia sẻ kinh nghiệm liên quan về hôn nhân và gia đình, phòng chống tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống cho người dân là đồng bào dân tộc thiểu số tại các xã, thị trấn có đồng bào dân tộc thiểu số với hơn 3.240 lượt người tham dự; biên soạn, in ấn 67.000 tờ rơi tuyên truyền về hôn nhân và gia đình, phòng, chống tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong đồng bào dân tộc thiểu số; 03 Hội nghị tập huấn kỹ năng truyền thông, vận động, tư vấn pháp luật liên quan về hôn nhân và gia đình, phòng chống tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số với 380 lượt người tham dự; ra mắt 03 mô hình “Nhóm nòng cốt truyền thông cộng đồng phòng ngừa tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống trong đồng bào

³⁰ Báo cáo số 206/BC-UBND ngày 12/7/2023 của UBND tỉnh Đắk Lắk về khó khăn, vướng mắc trong triển khai thực hiện Tiêu dự án 1 Dự án 9 Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; Báo cáo số 70/BC-UBND ngày 07/03/2024 kết quả 02 năm (2022 - 2023) thực hiện Tiêu dự án 1 Dự án 9 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

dân tộc thiểu số; lắp đặt 29 cụm pano; tổ chức 02 Hội thi Phụ nữ, Đoàn viên thanh niên dân tộc thiểu số tìm hiểu kiến thức pháp luật về hôn nhân và gia đình, phòng chống tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống với 21 đội của 11 xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tham gia; 01 Hội thi Đoàn viên thanh niên người dân tộc thiểu số tìm hiểu về pháp luật về hôn nhân về kết hôn, tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống tại huyện Ea Kar; lắp đặt 32 panô, áp phích³¹ tuyên truyền về tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống tại 32 xã; 01 Đoàn học tập, trao đổi kinh nghiệm tại các tỉnh phía Bắc.

Trong những năm qua, công tác giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống vùng đồng bào DTTS&MN trên địa bàn tỉnh được cấp uỷ, chính quyền từ tỉnh đến cơ sở quan tâm tổ chức thực hiện và đã đạt được một số kết quả nhất định. Thông qua các hoạt động của Đề án, đồng bào dân tộc thiểu số đã được tuyên truyền sâu rộng các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phòng, chống tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống, Luật Hôn nhân và Gia đình, Luật Bình đẳng giới, Luật Phòng chống bạo lực gia đình... góp phần nâng cao nhận thức của đồng bào dân tộc thiểu số về tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống, một số phong tục tập quán gây ảnh hưởng trực tiếp đến tình trạng tảo hôn, hôn nhân cận huyết dần được xoá bỏ.

4.10. Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình

Kinh phí phân bổ thực hiện 38.392 triệu đồng (ngân sách trung ương 36.942 triệu đồng; ngân sách tỉnh 1.450 triệu đồng); đã giải ngân 22.496 triệu đồng, đạt tỷ lệ 58,6% kế hoạch (ngân sách trung ương 21.460 triệu đồng; ngân sách tỉnh 1.036 triệu đồng).

Tổ chức 04 Hội nghị biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào ở khu vực biên giới với sự tham dự của 120 đại biểu; 28 hội nghị tập huấn về kỹ năng thực hiện tuyên truyền giáo dục pháp luật chuyên sâu trong lĩnh vực dân sự đối với đồng bào dân tộc thiểu số cho đội ngũ người thực hiện truyền giáo dục pháp luật với 222 người tham dự; Thực hiện việc đặt hàng 02 cơ quan báo chí sản xuất các sản phẩm thông tin phục vụ công tác thông tin đối ngoại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (sản xuất, đăng tải 18 sản phẩm báo chí, đã phiên dịch 13 sản phẩm sang ngôn ngữ Tiếng Ê đê và Tiếng M'Nông; sản xuất, đăng tải 06 sản phẩm báo chí trên chương trình Truyền hình; 07 sản phẩm báo chí trên chương trình Phát thanh tiếng phổ thông; sản xuất, đăng tải 24 sản phẩm báo chí và 25 sản phẩm báo chí điện tử);

³¹ Huyện: Krông Bông 06 xã; Ea Súp 9 xã; Ea Kar 03 xã; Buôn Đôn 6 xã; Krông Búk 08 xã;

Biên soạn, in ấn và lắp đặt 74 Bảng thông tin, 74 Hộp tin về truyền giáo dục pháp luật tại trụ sở 74 xã; 4 loại tờ gấp truyền thông về truyền giáo dục pháp luật với hơn 55.000 tờ gấp và 3.920 đơn yêu cầu truyền giáo dục pháp luật; 18 phóng sự tuyên truyền, giới thiệu, biểu dương các gương người tốt, việc tốt, các điển hình tiên tiến trong vùng đồng dân tộc thiểu số; cung cấp, lắp đặt thiết bị công nghệ thông tin tại 27 xã; 33 đợt truyền thông về truyền giáo dục pháp luật điếm tại các xã, thôn, buôn đặc biệt khó khăn có nhiều người dân tộc thiểu số; 13 hội nghị tập huấn điếm về tiếp cận truyền giáo dục pháp luật đối với vùng dân tộc thiểu số cho cán bộ thôn, buôn, già làng, người có uy tín trong cộng đồng, cán bộ đoàn thể vùng đồng bào dân tộc thiểu số với hơn 600 người tham dự; 16 đoàn học tập kinh nghiệm cho người có uy tín ngoài tỉnh; tổ chức thăm hỏi động viên người có uy tín theo quy định; tổ chức 02 Đoàn học tập trao đổi kinh nghiệm ứng dụng công nghệ số và chuyển đổi số phục vụ phát triển sản xuất cho Hợp tác xã và người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Sau gần 5 năm triển khai thực hiện, Dự án 10 đã đạt được nhiều kết quả quan trọng. Thông qua hoạt động tập huấn bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng về tuyên truyền, vận động, trợ giúp pháp lý, thông tin đối ngoại; các hội nghị, hội thi tìm hiểu pháp luật về công tác dân tộc và chính sách dân tộc, đến nay nhiều người dân vùng đồng bào DTTS đã có những nhận thức sâu sắc về tầm quan trọng của Chương trình MTQG 1719 và công tác truyền thông, tuyên truyền, vận động. Hoạt động trợ giúp pháp lý, hỗ trợ thiết lập các điếm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin, hỗ trợ xây dựng và duy trì chợ sản phẩm trực tuyến vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi cũng được quan tâm, triển khai thực hiện hiệu quả. Kết quả kiểm tra, giám sát thực hiện Chương trình hàng năm cho thấy lãnh đạo chính quyền địa phương đều nhận thức và có quyết tâm chính trị cao trong lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Chương trình, xem đây là nguồn lực quan trọng và là nhiệm vụ chính trị trọng tâm để lãnh đạo, phân đấu hoàn thành mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương trong nhiệm kỳ 2021 - 2025. Tuy nhiên, do các địa phương đang thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp và sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã nên trong giai đoạn 2021 - 2025, tỉnh không thực hiện các nội dung đầu tư xây dựng chợ sản phẩm trực tuyến vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

5. Triển khai Nghị quyết số 111/2024/QH15 ngày 18/01/2024 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các chương trình MTQG

5.1. Về phân bổ, giao dự toán chi thường xuyên ngân sách trung ương hằng năm: Năm 2025, Thủ tướng Chính phủ giao bổ sung dự toán chi thường xuyên ngân sách trung ương cho các địa phương thực hiện Chương trình MTQG

1719 theo tổng mức kinh phí chi thường xuyên, không giao chi tiết đến dự án thành phần và lĩnh vực chi, tạo điều kiện cho địa phương chủ động, linh hoạt trong việc xây dựng phương án phân bổ chi tiết dự toán, đảm bảo phù hợp với khả năng triển khai thực hiện.

5.2. Về nội dung rà soát, tổng hợp đề xuất điều chỉnh dự toán chi thường xuyên năm 2024, dự toán ngân sách nhà nước chưa giải ngân hết trong năm 2023 (bao gồm chi đầu tư, chi thường xuyên)

- Vốn đầu tư phát triển: Ủy ban nhân dân tỉnh đã trình HĐND tỉnh xem xét, thông qua phương án điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2023 kéo dài sang năm 2024 đối với những nội dung thuộc thẩm quyền của HĐND tỉnh³²; thực hiện điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2023 kéo dài sang năm 2024 và điều chỉnh kế hoạch năm 2024 theo thẩm quyền³³.

- Vốn sự nghiệp: Ủy ban nhân dân tỉnh đã trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 07/11/2024 về việc điều chỉnh kinh phí sự nghiệp được giao năm 2024 và chuyển nguồn năm 2023 sang năm 2024 thực hiện Chương trình MTQG 1719 trên địa bàn tỉnh; thực hiện điều chỉnh kinh phí tại Quyết định số 2879b/QĐ-UBND ngày 14/11/2024 theo quy định.

5.3. Về sử dụng ngân sách nhà nước trong trường hợp giao chủ dự án tự thực hiện việc mua sắm hàng hóa, dịch vụ để thực hiện dự án phát triển sản xuất: Tạo sự linh hoạt trong việc quyết định giá mua sắm hàng hóa, dịch vụ của các dự án phát triển sản xuất, góp phần tăng tỷ lệ giải ngân nguồn vốn.

5.4. Về quản lý, sử dụng tài sản hình thành trong dự án hỗ trợ phát triển sản xuất: Là cơ sở để địa phương xác định đơn vị quản lý tài sản hình thành sau đầu tư, đồng thời nâng cao tính tự chủ và trách nhiệm của các cấp chính quyền địa phương trong việc quản lý tài sản công, đảm bảo tài sản được sử dụng đúng mục đích, tránh thất thoát, lãng phí.

5.5. Về ủy thác vốn của ngân sách địa phương qua hệ thống Ngân hàng Chính sách xã hội: Tỉnh đã phê duyệt Đề án đầu tư tín dụng đối với hộ nghèo và đối tượng chính sách khác bằng nguồn vốn ngân sách địa phương trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2024 - 2025 và giai đoạn 2026 - 2030 tại Quyết định số 28/QĐ-UBND ngày 08/01/2025 để các đơn vị căn cứ triển khai thực hiện,

³² Nghị quyết số 03/NQHĐND ngày 03/5/2024; Nghị quyết số 04/NQHĐND ngày 03/5/2024; Nghị quyết số 21/NQHĐND ngày 12/7/2024; Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 07/11/2024; Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 07/11/2024; Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 07/11/2024.

³³ Quyết định số: 1686/QĐ-UBND ngày 11/6/2024, số 1687/QĐ-UBND ngày 11/6/2024, số 1698/QĐ-UBND ngày 12/6/2024, 2157/QĐ-UBND ngày 09/8/2024, 2165/QĐ-UBND ngày 12/8/2024, 2298/QĐ-UBND ngày 06/9/2024, 2299/QĐ-UBND ngày 06/9/2024; số 2747/QĐ-UBND ngày 31/10/2024; số 2858/QĐ-UBND ngày 13/11/2024; số 2875/QĐ-UBND ngày 14/11/2024; 2877/QĐ-UBND ngày 14/11/2024

nhằm tạo điều kiện cho các hộ dân tiếp cận nguồn vốn của Chương trình để đầu tư, phát triển sản xuất kinh doanh, góp phần giúp người dân từng bước vươn lên, xóa đói, giảm nghèo, nâng cao chất lượng cuộc sống.

5.6. Về cơ chế thí điểm phân cấp cho cấp huyện trong quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2024 - 2025: Do không có huyện nào đề xuất thực hiện cơ chế thí điểm phân cấp cho cấp huyện nên UBND tỉnh đã báo cáo HĐND tỉnh về việc Tỉnh không thực hiện cơ chế thí điểm phân cấp cho cấp huyện trong quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2024 - 2025 theo quy định tại khoản 7 Điều 4 Nghị quyết số 111/2024/QH15 của Quốc hội³⁴.

IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM

1. Đánh giá chung

1.1. Kết quả nổi bật đã đạt được

Trong những năm qua, việc triển khai thực hiện Chương trình MTQG 1719 trên địa bàn tỉnh đã góp phần làm thay đổi diện mạo nông thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, đời sống bà con ngày càng được nâng lên. Với tinh thần quyết tâm, nỗ lực, sự vào cuộc của toàn bộ hệ thống chính trị và sự đồng hành, ủng hộ của Nhân dân trong thực hiện Chương trình; nhờ vào những chính sách hỗ trợ thiết thực và hiệu quả, đồng bào dân tộc thiểu số ngày càng tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước, tích cực tham gia vào các chương trình phát triển kinh tế - xã hội, các hoạt động cộng đồng, góp phần vào việc duy trì an ninh trật tự tại địa phương.

1.2. Tồn tại, hạn chế

Hiện nay, còn nhiều nội dung trùng lặp giữa các chương trình MTQG³⁵; một số nội dung, đối tượng không thuộc đối tượng thụ hưởng của Chương trình³⁶ làm ảnh hưởng đến tỷ lệ giải ngân của Chương trình.

Nhu cầu nguồn lực đầu tư phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số là rất lớn, tuy nhiên việc huy động các nguồn lực khác ngoài ngân sách nhà nước trong thời gian qua còn hạn chế, chưa đáp ứng được nhu cầu thực tế.

Tỷ lệ hộ nghèo trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số ở một số địa

³⁴ Báo cáo số 320/BC-UBND ngày 22/10/2024 kết quả triển khai lựa chọn đơn vị cấp huyện thực hiện cơ chế thí điểm phân cấp trong quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2024-2025 theo khoản 7 Điều 4 Nghị quyết số 111/2024/QH15 của Quốc hội.

³⁵ Hỗ trợ nhà ở; hỗ trợ phát triển sản xuất; phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm;...

³⁶ Các Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên cấp huyện; tỉnh Đắk Lắk có dân tộc Chứt là dân tộc có khó khăn đặc thù nhưng không sinh sống tập trung thành cộng đồng nên không đủ tiêu chí để thực hiện dự án.

phương còn cao, chủ yếu tập trung ở các xã, thôn, buôn đặc biệt khó khăn; mức độ thiếu hụt tiếp cận một số dịch vụ xã hội cơ bản như nhà ở, nước sạch và vệ sinh còn cao.

1.3. Nguyên nhân

Chương trình MTQG 1719 liên quan đến nhiều lĩnh vực thuộc thẩm quyền trách nhiệm quản lý của nhiều ngành nên trong giai đoạn đầu khi triển khai khó tránh khỏi những vấn đề phát sinh về quy định, nội dung hướng dẫn trong quá trình hoàn thiện cơ chế chính sách, tổ chức triển khai thực hiện Chương trình.

Phạm vi, đối tượng của Chương trình quá rộng, mục tiêu đề ra của chương trình giải quyết quá nhiều nội dung từ kinh tế - xã hội đến quốc phòng, an ninh ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi nhưng nguồn lực thực hiện Chương trình còn hạn chế, chưa đáp ứng đúng, đủ nhu cầu hỗ trợ thực hiện cho các đối tượng, phạm vi của Chương trình; việc triển khai đồng loạt nhiều chính sách, nhiều nội dung hỗ trợ sẽ gây khó khăn, phức tạp, phân tán nguồn lực đầu tư của Chương trình.

Sự phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị và địa phương trong thực hiện Chương trình có lúc, có nơi chưa thật sự chặt chẽ, thiếu sự liên kết.

2. Bài học kinh nghiệm

Một là, tăng cường vai trò lãnh đạo của cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp và người đứng đầu, đảm bảo công tác lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện các chương trình MTQG được thống nhất từ tỉnh đến cơ sở; quán triệt, phổ biến chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về các chương trình MTQG một cách hiệu quả.

Hai là, kịp thời cụ thể hóa các quy định của Trung ương, hoàn thiện đồng bộ hệ thống cơ chế, chính sách, quy định theo thẩm quyền của địa phương làm cơ sở quản lý, tổ chức triển khai thực hiện các chương trình trên địa bàn; kịp thời xử lý, tháo gỡ vướng mắc khó khăn trong thực hiện.

Ba là, tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát gắn với trách nhiệm cụ thể của từng cơ quan, đơn vị; nâng cao chất lượng công tác phối hợp trong chỉ đạo, điều hành thực hiện các chương trình MTQG thông qua hoạt động của Ban Chỉ đạo các cấp.

Bốn là, triển khai thực hiện đồng bộ các giải pháp thông tin, tuyên truyền, nâng cao nhận thức, thay đổi tư duy, huy động cả hệ thống chính trị, các tầng lớp Nhân dân tham gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Năm là, tăng cường phân cấp, trao quyền, phát huy tính chủ động của chính quyền cơ sở trong xây dựng kế hoạch, chuẩn bị các thủ tục đầu tư, kịp thời phân bổ, giao kế hoạch vốn và thực hiện đồng bộ các giải pháp triển khai thực hiện các chương trình MTQG. Phát huy vai trò chủ thể, sáng tạo, nỗ lực vươn lên của người dân; khuyến khích thực hiện cơ chế đầu tư đặc thù, cơ chế hỗ trợ phát triển sản xuất phù hợp với năng lực đảm nhận của cán bộ và người dân địa phương.

Sáu là, Có giải pháp, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho cán bộ làm chương trình, đặc biệt ưu tiên cho cán bộ cấp xã, thôn. Việc đào tạo cần tập trung vào các kỹ năng lập kế hoạch, lập, thẩm định dự án, quản lý tài chính, các kỹ năng về mua sắm đấu thầu và giám sát việc triển khai thực hiện các dự án.

Bảy là, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động giám sát, đánh giá, thu thập, xử lý thông tin về kết quả thực hiện các chương trình. Thường xuyên kiểm tra, đánh giá quá trình thực hiện, sử dụng nguồn lực, kịp thời phát hiện, chấn chỉnh vi phạm, nâng cao hiệu quả đầu tư, hiệu lực chấp hành pháp luật trong triển khai thực hiện các chương trình.

Tám là, tăng cường sự tham gia của người dân, cộng đồng để nâng cao hiệu quả hoạt động và sử dụng nguồn lực của chương trình. Người dân và cộng đồng tham gia vào quá trình xác định nhu cầu, đối tượng thụ hưởng, lập kế hoạch, triển khai, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện chương trình. Tiếp tục phát huy nỗ lực vươn lên, khuyến khích sự chủ động tham gia của người dân cùng với việc thực hiện dân chủ, công khai, minh bạch trong quá trình sử dụng và phân bổ nguồn lực, thực thi các chính sách, các dự án.

V. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ CHO GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

1. Chính phủ sớm giao đủ phân vốn đầu tư phát triển từ ngân sách trung ương còn thiếu so với kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 cho tỉnh Đắk Lắk là 188.939 triệu đồng để địa phương triển khai thực hiện Chương trình MTQG 1719 năm 2025 theo tiến độ đã được phê duyệt.

2. Đề xuất sớm ban hành văn bản quy định tăng mức hỗ trợ đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt thuộc Dự án 1 cho phù hợp với thực tế để đảm bảo khả năng thực hiện hỗ trợ cho các đối tượng theo Thông báo số 523/TB-VPCP ngày 16/11/2024 của Văn phòng Chính phủ.

3. Đề nghị Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam sớm giao chỉ tiêu kinh phí cho vay vốn tín dụng theo Nghị định số 28/2022/NĐ-CP ngày 26/4/2022 của Chính phủ về chính sách tín dụng ưu đãi thực hiện Chương trình MTQG 1719 nhằm đảm bảo tiến độ triển khai thực hiện và giải ngân các nguồn vốn hỗ trợ từ

ngân sách nhà nước.

VI. ĐỀ XUẤT NỘI DUNG, GIẢI PHÁP CHƯƠNG TRÌNH GIAI ĐOẠN II: TỪ NĂM 2026 ĐẾN NĂM 2030

1. Đề xuất về mục tiêu và thiết kế

a) Về mục tiêu

Trên cơ sở tiến độ, kết quả thực hiện giai đoạn 2021 - 2025, các mục tiêu đã được giao tại Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18/11/2019, Nghị quyết số 120/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội và Kế hoạch số 11768/KH-UBND ngày 30/11/2021 của UBND tỉnh về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, đề xuất dự kiến mục tiêu, nhiệm vụ thực hiện giai đoạn 2026 - 2030 như sau:

- Chỉ tiêu, nhiệm vụ hàng năm: Giảm tỷ lệ hộ nghèo vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên 4%/năm.

- Chỉ tiêu, nhiệm vụ thực hiện đến cuối năm 2030:

+ Xã ra khỏi địa bàn đặc biệt khó khăn: đạt tỷ lệ 50%.

+ Thôn ra khỏi địa bàn đặc biệt khó khăn: đạt tỷ lệ 55%.

b) Về thiết kế

Đề xuất về điều chỉnh, hoàn thiện nội dung các dự án, tiểu dự án thuộc Chương trình, trong đó mở rộng phạm vi, đối tượng thụ hưởng đối với một số dự án, tiểu dự án trong giai đoạn 2021-2025 thực hiện chưa hiệu quả³⁷, tỷ lệ giải ngân thấp, nhất là các chính sách hỗ trợ các dự án liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị để khuyến khích sự tham gia của các hộ làm ăn giỏi và hỗ trợ các hộ nghèo, hộ cận nghèo trong thực hiện dự án nhằm thúc đẩy dự án thực hiện có hiệu quả hơn.

Đối với các nội dung, chính sách hỗ trợ trực tiếp cho đối tượng thụ hưởng: Giai đoạn 2021 - 2025 cả 03 Chương trình MTQG cùng hỗ trợ thực hiện nội dung giống nhau (hỗ trợ nhà ở), nhưng nguồn vốn hỗ trợ khác nhau. Do đó, kiến nghị các Bộ, ngành Trung ương xem xét, với một nội dung chỉ nên thiết kế trong 01 Chương trình hoặc thống nhất sử dụng một nguồn vốn (đầu tư phát triển hoặc sự nghiệp) cho đồng bộ.

Đối với các nội dung hỗ trợ có hình thành dự án đầu tư: Đề nghị các Bộ, ngành Trung ương khi thiết kế Chương trình cần nghiên cứu để tạo điều kiện cho địa phương lồng ghép nguồn vốn giữa các chương trình MTQG, lồng ghép vốn giữa dự án đầu tư từ chương trình MTQG với các dự án khác.

³⁷ Tiêu dự án 1 Dự án 3; Tiêu dự án 3 Dự án 5...

2. Đề xuất về cơ chế huy động, bố trí và sử dụng vốn

a) Về cơ chế huy động, bố trí và sử dụng vốn

Kiến nghị các Bộ, ngành Trung ương sớm xây dựng và tham mưu Chính phủ ban hành các quy định thực hiện Chương trình giai đoạn 2026-2030 trong năm 2025; thông báo dự kiến kế hoạch đầu tư vốn ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình giai đoạn 2026 - 2030 ngay từ cuối năm 2025 để tạo sự chủ động cho địa phương trong việc cân đối, bố trí nguồn lực và xây dựng mục tiêu, kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình ngay từ đầu giai đoạn. Đề xuất dự kiến tổng vốn từ ngân sách Trung ương hỗ trợ để thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2026 - 2030 là 3.820 tỷ đồng (vốn đầu tư phát triển 2.460 tỷ đồng; vốn sự nghiệp 1.360 tỷ đồng).

Kiến nghị các Bộ, ngành Trung ương ban hành đầy đủ các văn bản quy định thực hiện Chương trình trước khi phân bổ vốn cho địa phương, tránh tình trạng đã được phân bổ vốn nhưng chưa đủ cơ sở triển khai thực hiện vì phải chờ văn bản quy định, hướng dẫn.

Trên cơ sở các mục tiêu, nội dung hỗ trợ từ các chương trình MTQG, đề nghị các Bộ, ngành Trung ương xem xét, tính toán, cân đối và đề xuất đủ nguồn lực, đảm bảo tiến độ, tránh dồn vốn vào các năm cuối kỳ kế hoạch, để hỗ trợ địa phương thực hiện các chính sách, nội dung theo đúng mục tiêu đề ra.

b) Đối với công tác lập, phê duyệt và giao kế hoạch vốn

Kế hoạch vốn đầu tư phát triển giai đoạn 5 năm: Theo quy định tại khoản 6 Điều 18 Luật Đầu tư công 2019 thì các dự án thuộc Chương trình MTQG không phải quyết định chủ trương đầu tư dự án. Tuy nhiên, tại Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023, Chính phủ quy định phải giao kế hoạch giai đoạn 2021-2025 đến danh mục dự án đầu tư cụ thể, bao gồm: Tên dự án, chủ đầu tư, quy mô, tổng mức đầu tư, cơ cấu nguồn vốn, địa điểm, thời gian thực hiện và các thông tin khác có liên quan, đã cơ bản đầy đủ các thông tin cần có trong quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công không sử dụng nguồn vốn từ các chương trình MTQG. Với đặc thù các dự án đầu tư từ chương trình MTQG có địa bàn, đối tượng rộng, việc triển khai thực hiện các thủ tục để xác định đầy đủ các thông tin nêu trên nhằm giao kế hoạch giai đoạn 5 năm ngay từ đầu kỳ là khó khả thi. Bên cạnh đó, việc thực hiện các dự án đầu tư trong các chương trình MTQG có gắn kết rất chặt chẽ với việc thực hiện các chỉ tiêu được giao của từng Chương trình. Do đó, nếu thông qua danh mục dự án giai đoạn 5 năm ngay từ đầu kỳ, nhưng trong quá trình triển khai thực hiện có thay đổi về chỉ tiêu, đơn vị được giao thực hiện chỉ tiêu,... thì sẽ phải xác định lại danh mục dự án, phải chờ HĐND tỉnh điều chỉnh danh mục giai đoạn 5 năm,

rồi mới có thể triển khai kế hoạch hằng năm.

Kế hoạch vốn đầu tư phát triển hằng năm: Đề xuất phân cấp cho cấp tỉnh quyết định việc giao chi tiết danh mục hoặc phân cấp cho địa phương giao chi tiết kế hoạch đến danh mục dự án đầu tư đảm bảo phù hợp với khả năng quản lý, triển khai thực hiện.

Đề xuất Trung ương thông báo mức kinh phí sự nghiệp giai đoạn 5 năm, không giao chi tiết đến Dự án, Tiêu dự án thành phần và theo lĩnh vực chi của từng chương trình, để tăng tính linh hoạt của địa phương trong việc xây dựng phương án phân bổ chi tiết dự toán đảm bảo phù hợp với khả năng triển khai thực hiện.

c) Về chỉ đạo, điều hành và quản lý Chương trình

Đề xuất giữ nguyên cơ chế thành lập 01 Ban Chỉ đạo để chỉ đạo thống nhất triển khai các chương trình MTQG từ cấp trung ương đến cấp cơ sở; thành lập Ban quản lý cấp xã, có cán bộ chuyên trách để thực hiện thống nhất các Chương trình MTQG trên địa bàn.

Đề xuất các Bộ, ngành Trung ương thiết kế hệ thống theo dõi chỉ tiêu, số liệu có tính kết nối, thống nhất giữa các Bộ, ngành, địa phương nhằm tạo điều kiện thuận tiện cho địa phương trong việc theo dõi, cập nhật số liệu; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong theo dõi, giám sát, đánh giá; tăng cường tập huấn, đào tạo để cán bộ cấp cơ sở có thể cập nhật các chỉ tiêu, số liệu theo dõi theo địa bàn quản lý và dự toán, kế hoạch được giao; cấp quyền cho các cơ quan được giao nhiệm vụ điều phối chung của các chương trình MTQG, cơ quan tham mưu thực hiện từng Chương trình MTQG cấp tỉnh được sử dụng dữ liệu phục vụ công tác báo cáo, hội họp.

d) Đề xuất khác nhằm duy trì, củng cố, phát huy các kết quả đã đạt được

- Chính phủ xem xét tăng mức hỗ trợ đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt thuộc Chương trình MTQG 1719 cho phù hợp với thực tế để đảm bảo khả năng thực hiện hỗ trợ cho các đối tượng.

- Đề nghị Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam nghiên cứu, tăng mức cho vay theo quy định tại Nghị định số 28/2022/NĐ-CP của Chính phủ theo hướng nâng mức cho vay hỗ trợ nhà ở từ tối đa 40 triệu đồng/hộ (hiện nay) lên 100 triệu đồng/hộ; bổ sung, mở rộng đối tượng được vay là hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo trong vòng 36 tháng được hưởng các chính sách vay hỗ trợ về đất ở, nhà ở, đất sản xuất, chuyển đổi nghề để tạo cơ hội cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số cận nghèo, mới thoát nghèo ổn định cuộc sống, thoát nghèo bền vững.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện Chương trình MTQG 1719 giai

đoạn 2021 - 2025; đề xuất nội dung, giải pháp giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh; Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk báo cáo Hội đồng Dân tộc, Quốc hội khóa XV theo quy định./.

Nơi nhận:

- Hội đồng Dân tộc, Quốc hội khóa XV;
- Bộ dân tộc và Tôn giáo;
- Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam
- Thường trực HĐND tỉnh; (để báo cáo)
- Đảng ủy UBND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Sở Dân tộc và Tôn giáo;
- Các phòng: NC, KGVX, NNMT, KTTH;
- Trung tâm CN&CTTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, NC (Vn.10b).

Q. CHỦ TỊCH

Nguyễn Thiên Văn